

Kết quả điểm thi Ứng dụng CNTT cơ bản ngày 26/08/2018

stt	Sbd	Họ Và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Đơn vị	Lý thuyết	Thực hành	TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	T818001	Trần Thị Minh	Ái	20/10/1982	Nữ	Hà Tĩnh	Tự do	6.0	7.3	6.7	Trung bình	
2	T818002	Lê Văn	Bình	02/01/1975	Nam	Hải Dương	Tự do	4.0	3.5	3.8	Rớt	
3	T818003	Trịnh Thị	Chinh	12/04/1986	Nữ	Thanh Hóa	Tự do	10.0	7.3	8.7	Giỏi	
4	T818004	Nguyễn Đăng	Chính	16/11/1972	Nam	Hà Tĩnh	Tự do	6.0	2.5	4.3	Rớt	
5	T818005	Ngô Bá	Độ	25/05/1979	Nam	Bắc Giang	Tự do	7.0	9.3	8.2	Giỏi	
6	T818006	Nguyễn Phước	Đức	24/12/1974	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	7.8	8.9	Giỏi	
7	T818007	Trần Thị Thùy	Dung	27/10/1996	Nữ	Đồng Nai	Tự do	7.5	8.5	8.0	Giỏi	
8	T818008	Nguyễn Minh	Dương	18/02/1987	Nam	Ninh Bình	Tự do	8.0	5.5	6.8	Trung bình	
9	T818009	Trần Châu Hoàng	Duy	27/10/1997	Nam	Đồng Nai	Tự do	6.0	8.5	7.3	Khá	
10	T818010	Nguyễn Thị	Duyên	08/01/1990	Nữ	Nghệ An	Tự do	9.5	7.8	8.7	Giỏi	
11	T818011	Trần Thị	Giang	29/05/1982	Nữ	Hà Tĩnh	Tự do	3.0	4.0	3.5	Rớt	
12	T818012	Dương Thị Thanh	Hà	20/09/1979	Nữ	Bắc Ninh	Tự do	6.5	7.0	6.8	Trung bình	
13	T818013	Nguyễn Thị	Hà	01/04/1975	Nữ	Quảng Trị	Tự do	7.5	7.0	7.3	Khá	
14	T818014	Nguyễn Ngọc	Hải	14/11/1968	Nam	Hải Dương	Tự do	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
15	T818015	Đào Thị Thu	Hằng	16/07/1987	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
16	T818016	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	03/06/1989	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
17	T818017	Trần Thị Thanh	Hằng	03/12/1982	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	6.0	8.0	Khá	
18	T818018	Lê Thị	Hạnh	04/07/1983	Nữ	hừa Thiên - Hu	Tự do	10.0	8.0	9.0	Giỏi	
19	T818019	Nguyễn Thị	Hiên	11/04/1987	Nữ	Hà Nội	Tự do	10.0	8.5	9.3	Giỏi	
20	T818020	Lê Thị	Hiên	04/01/1992	Nữ	Thanh Hóa	Tự do	v	v	v	Vắng	
21	T818021	Nguyễn Thị Thu	Hiên	11/12/1989	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	8.5	9.3	Giỏi	
22	T818022	Đinh Thị	Hoa	26/08/1990	Nữ	Nam Định	Tự do	5.0	7.5	6.3	Trung bình	
23	T818023	Phạm Thị	Hồng	12/02/1985	Nữ	Đồng Nai	Tự do	v	v	v	Vắng	
24	T818024	Võ Thị Hoa	Hồng	18/02/1985	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	8.5	8.8	Giỏi	
25	T818025	Hoàng Cao Thiên	Hương	06/07/1967	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.5	8.0	8.8	Giỏi	
26	T818026	Huỳnh Thị Kim	Hương	03/04/1968	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.5	8.5	9.0	Giỏi	
27	T818027	Nguyễn Thị	Hương	03/05/1987	Nữ	Nghệ An	Tự do	10.0	6.5	8.3	Khá	
28	T818028	Nguyễn Thị	Hường	16/12/1990	Nữ	Hải Dương	Tự do	9.0	7.5	8.3	Giỏi	
29	T818029	Dương Minh	Hữu	12/04/1992	Nam	Long An	Tự do	9.0	6.0	7.5	Khá	
30	T818030	Nguyễn Quốc	Huy	12/03/1991	Nam	Hà Nam	Tự do	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
31	T818031	Đào Thị Diệp	Khanh	04/10/1987	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
32	T818032	Lê Đại	Khánh	16/04/1975	Nam	hừa Thiên - Hu	Tự do	8.0	8.5	8.3	Giỏi	
33	T818033	Hà Nữ Linh	Kiều	01/01/1981	Nữ	Bình Định	Tự do	9.0	7.5	8.3	Giỏi	
34	T818034	Phạm Thị	Lành	01/01/1984	Nữ	Quảng Ninh	Tự do	10.0	7.5	8.8	Giỏi	
35	T818035	Trần Hồng	Lê	16/12/1987	Nữ	Hà Tĩnh	Tự do	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
36	T818036	Phan Thị	Liên	02/11/1980	Nữ	Hải Phòng	Tự do	9.0	7.5	8.3	Giỏi	
37	T818037	Lê Thị	Linh	23/02/1996	Nữ	Bình Thuận	Tự do	8.0	8.0	8.0	Giỏi	
38	T818038	Phùng Vũ Phương	Linh	16/08/1996	Nữ	Đồng Nai	Tự do	7.0	7.5	7.3	Khá	
39	T818039	Hoàng Thị Phụng	Loan	24/10/1984	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	8.0	9.0	Giỏi	
40	T818040	Nguyễn Thị Kim	Loan	16/12/1988	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
41	T818041	Nguyễn Thị	Lý	12/07/1981	Nữ	Hà Nam	Tự do	9.0	8.3	8.7	Giỏi	
42	T818042	Võ Thị	Mai	24/10/1989	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	9.5	9.8	Giỏi	
43	T818043	Cao Thị Hồng	Minh	04/12/1975	Nữ	Hải Hưng	Tự do	10.0	5.0	7.5	Trung bình	
44	T818044	Phạm Nhật	Minh	25/12/1994	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	9.5	9.8	Giỏi	
45	T818045	Lương Thị	Nam	04/08/1976	Nữ	Hà Tuyên	Tự do	10.0	9.5	9.8	Giỏi	
46	T818046	Lê Thị Thu	Nga	22/09/1985	Nữ	Đồng Nai	Tự do	8.0	6.8	7.4	Khá	
47	T818047	Nguyễn Thị	Nga	26/03/1977	Nữ	Hà Tĩnh	Tự do	6.5	9.5	8.0	Khá	
48	T818048	Phan Thị	Ngân	20/10/1983	Nữ	Nghệ An	Tự do	9.0	6.8	7.9	Khá	
49	T818049	Trần Thị Kim	Ngân	12/10/1988	Nữ	Đồng Nai	Tự do	8.5	9.3	8.9	Giỏi	
50	T818050	Đào Như	Ngọc	28/09/2000	Nữ	Bình Dương	Tự do	3.0	7.3	5.2	Rớt	
51	T818051	Phạm Thị Hồng	Ngọc	26/08/1997	Nữ	Đồng Nai	Tự do	4.5	7.5	6.0	Rớt	
52	T818052	Nguyễn Thị	Nguyên	29/06/1979	Nữ	Bạc Liêu	Tự do	6.0	9.8	7.9	Khá	
53	T818053	Đặng Thị Hoài	Nhi	28/04/1992	Nữ	KonTum	Tự do	9.0	9.8	9.4	Giỏi	
54	T818054	Vũ Thị Hoài	Như	20/05/1984	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	6.5	7.8	Khá	
55	T818055	Đào Thị	Nhung	09/12/1985	Nữ	Hải Dương	Tự do	10.0	9.3	9.7	Giỏi	
56	T818056	Đào Thị Tuyết	Nhung	20/4/1982	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	5.5	7.3	Trung bình	
57	T818057	Nguyễn Thị	Oanh	13/02/1985	Nữ	Quảng Trị	Tự do	5.0	6.0	5.5	Trung bình	

stt	Sbd	Họ Và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Đơn vị	Lý thuyết	Thực hành	TBC	Xếp loại	Ghi chú
58	T818058	Lê Thị Hồng	Phuong	12/06/1973	Nữ	Hải Hưng	Tự do	8.0	5.0	6.5	Trung bình	
59	T818059	Trần Thế	Phuong	12/05/1985	Nam	Đồng Nai	Tự do	9.0	6.5	7.8	Khá	
60	T818060	Lê Thị Bích	Phuong	25/05/1995	Nữ	Đồng Nai	Tự do	7.0	5.3	6.2	Trung bình	
61	T818061	Nguyễn Thị	Quý	05/06/1983	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
62	T818062	Phạm Thị	Quỳnh	01/06/1994	Nữ	Thanh Hóa	Tự do	8.0	8.5	8.3	Giỏi	
63	T818063	Phan	Si	08/03/1983	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	6.0	8.0	Khá	
64	T818064	Mộng Hoàng	Tấn	08/07/1976	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	5.5	7.8	Trung bình	
65	T818065	Nguyễn Minh	Thành	16/07/1987	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	9.5	9.8	Giỏi	
66	T818066	Nguyễn Lương	Thao	03/11/1962	Nam	Quảng Ninh	Tự do	10.0	7.8	8.9	Giỏi	
67	T818067	Phan Viết	Thịnh	10/01/1978	Nam	Quảng Nam	Tự do	10.0	7.3	8.7	Giỏi	
68	T818068	Nguyễn Thị	Thu	01/12/1983	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
69	T818069	Nguyễn Thị	Thư	12/11/1986	Nữ	Thanh Hóa	Tự do	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
70	T818070	Huỳnh Thị	Thương	24/12/1979	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.5	6.5	8.0	Khá	
71	T818071	Nguyễn Văn	Thúy	02/06/1996	Nữ	Quảng Bình	Tự do	8.0	6.8	7.4	Khá	
72	T818072	Phan Thị Minh	Thùy	10/10/1981	Nữ	T.T Huế	Tự do	9.0	7.3	8.2	Giỏi	
73	T818073	Lê Thị Thanh	Thùy	20/10/1978	Nữ	Thanh Hóa	Tự do	9.0	5.5	7.3	Trung bình	
74	T818074	Mai Phương	Thùy	16/11/1965	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	9.3	9.7	Giỏi	
75	T818075	Hà Uyên	Thy	28/10/1977	Nữ	Bình Thuận	Tự do	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
76	T818076	Hoàng Văn	Tiến	20/06/1988	Nam	Thuận Hải	Tự do	10.0	6.8	8.4	Khá	
77	T818077	Phạm Văn	Toàn	21/07/1988	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	8.0	9.0	Giỏi	
78	T818078	Trần Văn	Toàn	10/09/1972	Nam	Đồng Nai	Tự do	7.0	8.5	7.8	Khá	
79	T818079	Nguyễn Ngọc Bằng	Trâm	01/09/1984	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
80	T818080	Đặng Thị Huyền	Trang	10/07/1987	Nữ	Nghệ An	Tự do	10.0	7.5	8.8	Giỏi	
81	T818081	Lê Thị Mỹ	Trang	23/08/1978	Nữ	Bến Tre	Tự do	10.0	9.3	9.7	Giỏi	
82	T818082	Nguyễn Thị Thu	Trang	16/10/1978	Nữ	Bình Thuận	Tự do	10.0	8.0	9.0	Giỏi	
83	T818083	Lê Phạm Anh	Tuấn	08/07/1996	Nam	Đồng Nai	Tự do	7.5	9.5	8.5	Giỏi	
84	T818084	Trần Công Minh	Tuấn	10/01/1996	Nam	Đắk Lắk	Tự do	v	v	v	Vắng	
85	T818085	Trần Việt	Tuấn	28/07/1962	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	7.5	8.8	Giỏi	
86	T818086	Lê Thanh	Tùng	07/12/1982	Nam	Bạc Liêu	Tự do	10.0	8.0	9.0	Giỏi	
87	T818087	Võ Thanh	Vân	25/07/1988	Nữ	Sông Bé	Tự do	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
88	T818088	Nguyễn Trí	Viên	23/01/1977	Nam	Đồng Nai	Tự do	7.0	8.0	7.5	Khá	
89	T818089	Bùi Thị	Xuân	20/10/1982	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	7.3	8.2	Giỏi	
90	T818100	Đào Lan	Anh	26/05/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 SP Toán B	5.0	6.5	5.8	Trung bình	
91	T818101	Đỗ Hoàng	Anh	06/10/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Kế toán	6.0	8.8	7.4	Khá	
92	T818102	Đặng Ngọc	Ánh	11/07/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 NN Anh	8.0	9.5	8.8	Giỏi	
93	T818103	Đặng Thị Ngọc	Ánh	25/10/1997	Nữ	Quảng Trị	K5 Kế toán	7.5	5.5	6.5	Trung bình	LT
94	T818104	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	03/05/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Sử	7.0	6.3	6.7	Trung bình	LT
95	T818105	Vũ Trọng	Bằng	26/08/1999	Nam	Đồng Nai	K42 SP Anh B	v	v	v	Vắng	
96	T818106	Nguyễn Thị Minh	Châu	15/06/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 Tiểu học C	9.5	9.5	9.5	Giỏi	
97	T818107	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	08/03/1996	Nữ	Nghệ An	K41 Tiểu học C	6.0	5.8	5.9	Trung bình	
98	T818108	Nguyễn Trương Chí	Cường	12/01/1997	Nam	Bình Dương	K5 SP Toán A	8.0	9.3	8.7	Giỏi	
99	T818109	Phan Minh	Cường	26/10/1997	Nam	Ninh Thuận	K5 SP Lý	6.0	9.5	7.8	Khá	
100	T818110	Nguyễn Trí	Đệ	25/04/1997	Nam	TP. HCM	K7 SP Toán	v	v	v	Vắng	
101	T818111	Nguyễn Thanh	Diễm	19/06/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 Tiểu học C	8.0	10.0	9.0	Giỏi	
102	T818112	Trần Thị Mỹ	Diễm	18/08/1997	Nữ	Bình Thuận	K5 NN Anh B	8.5	9.0	8.8	Giỏi	
103	T818113	Lê Thị	Dung	22/11/1999	Nữ	Hà Tĩnh	K7 Tiểu học	v	v	v	Vắng	
104	T818114	Lương Thị	Dung	13/11/1997	Nữ	Nam Định	K5 Tiểu học C	6.5	8.8	7.7	Khá	
105	T818115	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	29/09/1998	Nữ	Đồng Nai	K6 SP Lý	9.5	8.8	9.2	Giỏi	
106	T818116	Hoàng Văn	Dũng	21/05/1998	Nam	Đồng Nai	K6 SP Lý	7.0	7.8	7.4	Khá	
107	T818117	Lê Tiến	Dũng	15/12/1998	Nam	Đồng Nai	K6 SP Lý	9.0	9.5	9.3	Giỏi	
108	T818118	Nguyễn Thị Thùy	Dương	15/12/1999	Nữ	Đồng Nai	K42 Tiểu học A	8.0	8.8	8.4	Giỏi	
109	T818119	Lương Thị Mỹ	Duyên	13/06/1997	Nữ	Đồng Nai	K40 TCNH	4.0	5.0	4.5	Rớt	LT
110	T818120	Nguyễn Thị	Duyên	11/09/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 Mầm Non	8.5	7.8	8.2	Giỏi	
111	T818121	Bùi Minh	Giang	16/06/1997	Nam	Đồng Nai	K6 SP Lý	9.0	9.5	9.3	Giỏi	
112	T818122	Trần Thị Trà	Giang	07/01/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 SP Anh	7.0	6.0	6.5	Trung bình	
113	T818123	Trần Thị Bích	Hà	09/12/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Kế toán	7.0	9.8	8.4	Giỏi	
114	T818124	Hà Thị Thanh	Hằng	13/08/1998	Nữ	Đồng Nai	K6 SP Văn	5.5	6.8	6.2	Trung bình	
115	T818125	Phạm Thị	Hằng	05/08/1996	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Văn	6.0	6.8	6.4	Trung bình	
116	T818126	Trần Văn	Hiển	30/01/1994	Nam	Đồng Nai	K5 SP Sử	7.0	8.0	7.5	Khá	
117	T818127	Lương Thị	Hiển	15/08/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Toán B	6.5	9.0	7.8	Khá	
118	T818128	Trần Thanh	Hiển	21/09/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Kế toán	8.0	7.3	7.7	Khá	
119	T818129	Vũ Thị Thu	Huyền	27/06/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 SP Anh	5.5	7.8	6.7	Trung bình	

stt	Sbd	Họ Và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Đơn vị	Lý thuyết	Thực hành	TBC	Xếp loại	Ghi chú
120	T818130	Nguyễn Hồng	Diệp	25/02/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 Mầm Non	8.5	7.5	8.0	Giỏi	
121	T818131	Nguyễn Thị	Hiếu	20/08/1997	Nữ	Lâm Đồng	K5 Tiểu học C	5.0	7.3	6.2	Trung bình	
122	T818132	Nguyễn Trúc	Hoa	10/1997	Nữ	Long An	K6 Tiểu học A	8.0	7.3	7.7	Khá	
123	T818133	Lê Thị	Hòa	06/08/1999	Nữ	Nghệ An	K7 SP Toán	7.5	8.5	8.0	Giỏi	
124	T818134	Trần Phạm Minh	Hoàng	28/01/1997	Nữ	TP. HCM	K6 SP Văn	7.5	9.5	8.5	Giỏi	
125	T818135	Phạm Hoàng Xuân	Hồng	12/11/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Toán A	7.0	9.8	8.4	Giỏi	
126	T818136	Võ Thị Tuyết	Hồng	16/07/1999	Nữ	Đồng Nai	K42 Tiểu học A	7.5	8.0	7.8	Khá	
127	T818137	Đặng Quang	Huy	07/05/1999	Nam	Đồng Nai	K7 SP Toán	7.0	9.8	8.4	Giỏi	
128	T818138	Nguyễn Thanh	Huyền	24/02/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 NN Anh A	6.5	6.8	6.7	Trung bình	
129	T818139	Ngô Thị	Khang	24/01/1997	Nữ	Phú Yên	K5 NN Anh A	6.0	7.5	6.8	Trung bình	
130	T818140	Bùi Kim	Khánh	24/04/1997	Nữ	Hải Dương	K5 Kế toán	7.0	5.8	6.4	Trung bình	
131	T818141	Nguyễn Thị Hồng	Khánh	23/01/1993	Nữ	Hà Nam	K39 TATM	v	v	v	Vắng	
132	T818142	Hoàng Phạm Đăng	Khoa	10/04/1997	Nam	TP. HCM	K5 SP Lý	4.0	7.5	5.8	Rót	
133	T818143	Trịnh Thị Phương	Lâm	25/05/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Tiểu học A	7.0	9.5	8.3	Giỏi	
134	T818144	Đặng Thị	Linh	06/07/1998	Nữ	Nghệ An	K6 Tiểu học C	4.0	6.8	5.4	Rót	
135	T818145	Đinh Thị Huyền	Linh	28/11/1996	Nữ	Đồng Nai	K5 Tiểu học B	7.0	9.8	8.4	Giỏi	
136	T818146	Lương Yến	Linh	12/11/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 SP Toán	8.5	9.3	8.9	Giỏi	
137	T818147	Ngô Mỹ	Linh	24/02/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 Tiểu học C	5.0	8.5	6.8	Trung bình	
138	T818148	Nguyễn Lý Thùy	Linh	25/09/1998	Nữ	Đồng Nai	K6 Sp Lý	9.0	9.8	9.4	Giỏi	
139	T818149	Phạm Thị Khánh	Linh	11/12/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 ??	7.0	10.0	8.5	Giỏi	
140	T818150	Nguyễn Vũ Hoàng	Loan	02/12/1999	Nữ	Đồng Nai	K42 Tiểu học	7.0	7.5	7.3	Khá	
141	T818151	Trần Thị Phương	Loan	14/01/1998	Nữ	Đồng Nai	K6 SP Văn	9.0	8.5	8.8	Giỏi	
142	T818152	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	02/05/1999	Nữ	Đồng Nai	K42 Tiểu học	6.0	8.8	7.4	Khá	
143	T818153	Hoàng Thị Hà	Mi	22/08/1993	Nữ	Đồng Nai	K7 TCNH	5.0	4.5	4.8	Rót	
144	T818154	Nguyễn Thị Cẩm	My	23/03/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 SP Văn	5.0	6.5	5.8	Trung bình	
145	T818155	Trần Như	Mỹ	11/03/1999	Nam	Đồng Nai	K42 SP Địa	4.5	6.3	5.4	Rót	LT
146	T818156	Phạm Kiều	My	08/04/1997	Nữ	Cà Mau	K5 Kế toán	8.5	5.5	7.0	Trung bình	
147	T818157	Nghiêm Thị Thanh	Nga	28/12/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 Tiểu học C	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
148	T818158	Nguyễn Thị Huỳnh	Nga	20/08/1998	Nữ	Quảng Nam	K41 SP Văn	5.5	4.5	5.0	Rót	
149	T818159	Đào Thị Thanh	Ngân	08/09/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 Tiểu học C	9.5	7.8	8.7	Giỏi	
150	T818160	Lại Thị Thu	Ngát	03/06/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Tiểu học C	6.5	9.3	7.9	Khá	
151	T818161	Đặng Thị Minh	Ngọc	25/11/1998	Nữ	Đồng Nai	K6 Sp Anh b	8.5	8.8	8.7	Giỏi	
152	T818162	Lê Thị Kim	Ngọc	12/01/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 SP Toán A	9.0	9.8	9.4	Giỏi	
153	T818163	Trần Hồng	Ngọc	17/01/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 Tiểu học C	7.0	6.5	6.8	Trung bình	
154	T818164	Trần Thị Hồng	Ngọc	10/01/1998	Nữ	Đồng Nai	K6 Sp Lý	5.0	6.8	5.9	Trung bình	
155	T818165	Vương Mỹ	Ngọc	04/04/1998	Nữ	Đồng Nai	K6 SP Sinh	7.5	8.0	7.8	Khá	
156	T818166	Nguyễn Minh Trang	Nhã	03/01/1998	Nữ	Đồng Nai	K6 SP Văn	7.0	7.8	7.4	Khá	
157	T818167	Lâm Thị Hoàng	Nhan	17/05/1997	Nữ	Sóc Trăng	K6 QTKD	8.0	5.3	6.7	Trung bình	
158	T818168	Võ Phạm Hữu	Nhân	27/05/1998	Nam	Đồng Nai	K6 SP Lý	8.0	6.0	7.0	Khá	
159	T818169	Lâm Thị Minh	Nhi	30/06/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 NN Anh A	5.0	6.8	5.9	Trung bình	
160	T818170	Phạm Thị Thùy	Nhi	23/11/1997	Nữ	TP. HCM	K42 SP Địa	6.0	5.0	5.5	Trung bình	
161	T818171	Văn Thị Phương	Nhi	20/10/1997	Nữ	Vĩnh Long	K40 TATM	4.5	7.8	6.2	Rót	
162	T818172	Lê Thị Tuyết	Nhung	27/06/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 Tiểu học C	8.0	9.3	8.7	Giỏi	
163	T818173	Thạch Thị Hồng	Nhung	06/05/1996	Nữ	Đồng Nai	K39 Tiểu học A	3.0	5.5	4.3	Rót	
164	T818174	Vòng Say	Phóng	19/11/1973	Nam	Đồng Nai	K5 SP Anh C	8.0	9.0	8.5	Giỏi	
165	T818175	Phạm Trí	Phú	15/07/1999	Nam	Đồng Nai	K7 SP Toán B	5.5	7.3	6.4	Trung bình	
166	T818176	Phạm Văn	Phước	01/01/1999	Nam	Đồng Nai	K7 SP Toán	6.0	5.8	5.9	Trung bình	
167	T818177	Nguyễn Thị Thúy	Phương	22/09/1996	Nữ	Đồng Nai	K39 NN Anh B	4.0	6.0	5.0	Rót	
168	T818178	Nguyễn Vũ Thuyết	Phương	16/11/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 NN Anh B	7.0	6.0	6.5	Trung bình	
169	T818179	Lê Thị Cẩm	Phượng	18/01/1999	Nữ	TP. HCM	K42 Tiểu học A	9.0	6.5	7.8	Khá	
170	T818180	Nguyễn Đình Thanh	Phượng	08/01/1998	Nữ	Đồng Nai	K6 NN Anh B	7.0	8.0	7.5	Khá	LT
171	T818181	Hứa Lê Đăng	Quang	24/11/1998	Nam	Đồng Nai	K6 SP Lý	7.0	6.5	6.8	Trung bình	
172	T818182	Võ Lê Đan	Quỳnh	06/05/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 Tiểu học C	9.0	7.0	8.0	Giỏi	
173	T818183	Phạm Thị Thu	Sương	04/04/1996	Nữ	Quảng Ngãi	K40 QLDD	8.0	7.0	7.5	Khá	
174	T818184	Lê Hoàng	Sỹ	16/02/1999	Nam	Đồng Nai	K7 SP Toán	7.0	7.0	7.0	Khá	
175	T818185	Đoàn Minh	Tài	09/06/1998	Nam	Đồng Nai	K41 QLDD	8.0	6.5	7.3	Khá	
176	T818186	Phạm Hoài	Tâm	08/08/1995	Nam	Đồng Nai	K7 SP Toán	6.0	7.5	6.8	Trung bình	
177	T818187	Trương Thị Mỹ	Thanh	26/10/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 Tiểu học	8.0	8.5	8.3	Giỏi	
178	T818188	Huỳnh Thị Phương	Thảo	24/12/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 NN Anh A	5.5	7.5	6.5	Trung bình	
179	T818189	Mai Thị Thanh	Thảo	23/08/1999	Nữ	Đồng Nai	K42 Tiểu học A	6.5	7.5	7.0	Khá	
180	T818190	Nguyễn Thị Thu	Thảo	27/12/1999	Nữ	Huế	K7 Tiểu học B	8.0	7.5	7.8	Khá	
181	T818191	Nguyễn Minh	Thiện	25/07/1998	Nam	Đồng Nai	K6 Sp Lý	7.0	8.5	7.8	Khá	
182	T818192	Hoàng Minh	Thông	30/08/1998	Nam	Đồng Nai	K6 SP Lý	8.0	7.5	7.8	Khá	

stt	Sbd	Họ Và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Đơn vị	Lý thuyết	Thực hành	TBC	Xếp loại	Ghi chú
183	T818193	Phan Anh	Thư	25/10/1999	Nữ	TP. HCM	K42 Tiểu học	6.0	7.5	6.8	Trung bình	
184	T818194	Vũ Anh	Thư	02/02/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 NN Anh A	5.0	7.5	6.3	Trung bình	
185	T818195	Trần Thanh	Thuận	12/02/1998	Nam	Đồng Nai	K6 SP Lý	9.0	5.0	7.0	Trung bình	
186	T818196	Trương Tấn Hoài	Thương	01/02/1999	Nam	Đồng Nai	K7 SP Toán B	7.0	6.0	6.5	Trung bình	
187	T818197	Lê Thị Thu	Thùy	30/12/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 SP Văn	7.0	7.5	7.3	Khá	
188	T818198	Lương Thị Mỹ	Tiên	12/03/1998	Nữ	Đồng Tháp	K41 Mầm Non	5.0	6.0	5.5	Trung bình	
189	T818199	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	28/01/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Anh C	9.5	6.0	7.8	Khá	
190	T818200	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	11/08/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 SP Toán B	7.5	6.5	7.0	Khá	
191	T818201	Bùi Thị Thùy	Trang	24/07/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 SP Anh	9.0	7.0	8.0	Giỏi	
192	T818202	Võ Thị Thùy	Trang	17/08/1999	Nữ	Nghệ An	K7 SP Toán B	5.0	6.0	5.5	Trung bình	
193	T818203	Lê Thị Mai	Trình	03/05/1997	Nữ	Đồng Nai	K40 TCNH	5.5	7.0	6.3	Trung bình	TH
194	T818204	Phạm Thị Kiều	Trình	06/05/1994	Nữ	Đồng Nai	K41 SP Anh	8.0	9.0	8.5	Giỏi	
195	T818205	Huỳnh Nguyễn Thanh	Trúc	09/02/1998	Nữ	Đồng Nai	K6 Sp Lý	7.0	9.3	8.2	Giỏi	
196	T818206	Nguyễn Thanh	Trúc	20/08/1997	Nữ	TP. HCM	K41 Tiểu học C	7.0	7.8	7.4	Khá	
197	T818207	Trương Huỳnh Thanh	Trúc	25/05/1997	Nữ	Bình Dương	K5 SP Lý	8.0	9.8	8.9	Giỏi	
198	T818208	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	24/10/1996	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Sử	7.0	7.8	7.4	Khá	
199	T818209	Nguyễn Khắc	Tuấn	16/06/1998	Nam	Đồng Nai	K41 QLDD	5.5	7.5	6.5	Trung bình	
200	T818210	Đỗ Thanh	Tùng	24/09/1999	Nam	Bắc Giang	K7 SP Toán B	4.5	6.3	5.4	Rớt	
201	T818211	Hồ Phương	Tuyền	07/11/1997	Nữ	Đồng Nai	K40 QLDD	v	v	v	Vắng	TH
202	T818212	Văng Thị Kim	Tuyền	16/01/1997	Nữ	Bà Rịa - Vũng	K5 Kế toán	6.0	8.5	7.3	Khá	
203	T818213	Nguyễn Ngọc Ánh	Tuyết	20/11/1998	Nữ	Đồng Nai	K41 SP Anh	6.0	7.0	6.5	Trung bình	
204	T818214	Đặng Thúy	Uyên	05/10/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Văn	9.5	9.8	9.7	Giỏi	
205	T818215	Lê Khánh Tú	Uyên	02/09/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 SP Toán B	7.5	8.5	8.0	Giỏi	
206	T818216	Nguyễn Thị	Uyên	15/04/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Tiểu học B	8.0	6.8	7.4	Khá	
207	T818217	Đào Thị Thanh	Vân	08/11/1999	Nữ	Đồng Nai	K7 Kế toán B	8.0	6.8	7.4	Khá	
208	T818218	Nguyễn Thị Thu	Vân	14/11/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 NN Anh A	6.0	7.5	6.8	Trung bình	
209	T818219	Trần Thị Thúy	Vân	21/08/1998	Nữ	Thanh Hóa	K41 Mầm Non	8.0	7.3	7.7	Khá	
210	T818220	Đoàn Phạm Thúy	Vi	26/10/1997	Nữ	Bến Tre	K5 Kế toán	6.0	9.3	7.7	Khá	
211	T818221	Nguyễn Thị Tường	Vi	03/08/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Anh C	7.0	8.8	7.9	Khá	
212	T818222	Võ Thị Ngọc	Vi	06/11/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Tiểu học B	8.0	9.3	8.7	Giỏi	
213	T818223	Nguyễn Thị Kim	Vui	12/04/1999	Nữ	Đồng Nai	K42 Tiểu học A	9.0	7.5	8.3	Giỏi	
214	T818224	Đồng Thị Hải	Yến	04/02/1997	Nữ	Hà Tĩnh	K5 Kế toán	9.0	8.8	8.9	Giỏi	
215	T818225	Hồ Thị Phi	Yến	26/05/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Tiểu học A	8.0	10.0	9.0	Giỏi	
216	T818226	Phan Huỳnh Yến	Nhung	14/11/1991	Nữ	Đồng Nai	Tự do	7.5	10.0	8.8	Giỏi	
217	T818227	Dương Thị Kiều	Mai	12/12/1979	Nữ	Vĩnh Long	Tự do	9.0	7.0	8.0	Giỏi	
218	T818228	Nguyễn Quỳnh	Như	13/04/1999	Nữ	TP. HCM	K7 Kế toán B	6.5	10.0	8.3	Khá	
219	T818229	Võ Mai	Hương	06/09/1972	Nữ	Quảng Ninh	Tự do	8.0	8.0	8.0	Giỏi	

Thí sinh đăng ký dự thi: 219

Thí sinh vắng: 8

Thí sinh dự thi: 211

Đậu: 196 = 92,89%

Rớt: 16 = 7,11%

Trong đó: Giỏi: 95 = 48,47%

Khá: 54 = 27,55%

Trung bình: 47 = 23,98%

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

TS. Đinh Quang Minh